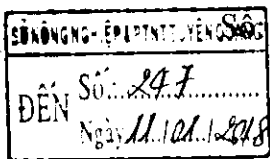


SỐ 23 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 09 tháng 01 năm 2018



QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục 10 thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt, phân bón, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4413/QĐ-BNN-TT ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực Trồng trọt; Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 10 thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt, phân bón, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

(Có danh mục 10 thủ tục hành chính kèm theo).

Danh mục và nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 4413/QĐ-BNN-TT ngày 28/10/2016 và Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ: www.tuyenquang.gov.vn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định trước đây của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các thủ tục hành chính theo danh mục thuộc lĩnh vực trồng trọt, phân bón, nông nghiệp nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Cục KSTTHC-VPCP (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (H).




Phạm Minh Huân

**DANH MỤC 10 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT,
PHÂN BÓN, NÔNG NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GẤP TỈNH (09 thủ tục)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (04 thủ tục)				
1	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa chỉ: Số 108, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.	Theo quy định	Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm
2	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa chỉ: Số 108, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.	Theo quy định	Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
3	Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa chỉ: Số 108, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.	Theo quy định	Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
4	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng	- Hồ sơ đầy đủ theo quy định: 07 ngày làm việc; - Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu theo quy định: 05 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa chỉ: Số 108, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.	Theo quy định	- Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng.
II	LĨNH VỰC PHÂN BÓN (05 thủ tục)				
5	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa chỉ: Số 108, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.	- Phí: + Phân vô cơ: 1.200.000 đồng; + Phân hữu cơ và phân bón khác: 6.000.000 đồng	- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón; - Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng rừng và giống cây lâm nghiệp; - Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.
6	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	- 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên giấy chứng nhận.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa chỉ: Số 108, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.	- Phí: Phân hữu cơ và phân bón khác: 2.500.000 đồng	- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
7	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa chỉ: Số 108, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.	Chưa quy định	Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ.
8	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa chỉ: Số 108, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.	Chưa quy định	Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ.
9	Xác nhận nội dung quảng cáo và đăng ký hội thảo phân bón	<ul style="list-style-type: none"> - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp xác nhận nội dung phân bón; - 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp đăng ký hội thảo phân bón; 	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa chỉ: Số 108, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 181/2023/NĐ-CP ngày 14/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 thủ tục)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP					
1	Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	05 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện nội dung chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa quy định tại Điều 4 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý sử dụng đất lúa</p> <p>- Thông tư số 19/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/06/2016 hướng dẫn chi tiết Điều 4 Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa và hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây lâu năm theo quy định tại Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.</p>